

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BỂ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HS - ST
Ngày 21/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Mạo
2. Bà Hoàng Thị Thào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Ma Thế Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/TLHS - ST ngày 09/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nông Văn T, sinh năm 1995; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Tày, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn C và bà Đinh Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2013 bị áp dụng biện pháp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh - GD - LĐXH tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 3495/QĐ - CTUBND ngày 30/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông, đến tháng 01 năm 2015 chấp hành xong; ngày 01/12/2017 bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Ông Không Văn Đ, sinh năm 1963, trú tại: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh B. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nông Văn T, sinh năm 1984, trú tại: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 28/11/2017, tại thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, Nông Văn T được bạn là Lê Quang Đ rủ về nhà người yêu của T để trộm máy cưa, T đã đồng ý. Đến khoảng 23 giờ, T và Đ đi đến nhà ông Nông Văn L (Bố người yêu của T) thuộc thôn N, xã Đ, huyện B để trộm máy cưa. Khi đi xe mô tô đến cách nhà ông L khoảng 100 m thì T dừng xe máy để đi bộ vào, đến cổng nhà thì Đ đứng ngoài chờ, còn T đi vào bếp nhà ông L lấy trộm chiếc máy cưa (Cưa lốc) nhãn hiệu HUSQVARNA 365 màu cam đem đến khu vực Tiểu khu 3, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể bán nhưng không bán được. Sau đó cả T và Đ đi vào nhà cậu của Đ tại Tiểu khu 8, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể ngủ. Đến khoảng 10 giờ ngày 29/11/2017, Đ lấy điện thoại di động của T gọi cho anh Đặng Văn H trú tại: Thôn B, xã C, huyện B để bán máy cưa và đem chiếc máy cưa xuống nhà anh H, nhưng H không mua. Khi đó, có anh Nông Văn T trú tại: Thôn B, xã C, huyện B đến, được Đ rao bán, anh T đã mua chiếc máy cưa với giá 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng. Bán được máy cưa, Đ và T chia nhau tiền mỗi người 1.000.000 (*Một triệu*) đồng. Số tiền này T sử dụng vào việc chuộc điện thoại, biển số xe, mua xăng và mua thuốc lá hết 664.000 (*Sáu trăm sáu mươi tư nghìn*) đồng, số tiền còn lại 336.000 (*Ba trăm ba mươi sáu nghìn*) đồng đã bị Cơ quan điều tra tạm giữ. Đối với Lê Quang Đ đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra chưa thể xác minh làm rõ hành vi của Đ.

Ngày 29/11/2017, ông Không Văn Đ sau khi phát hiện máy cưa lốc gửi tại nhà ông Nông Văn L bị mất trộm nên đã trình báo Cơ quan chức năng. Đến ngày 25/12/2017 ông được cơ quan điều tra Công an huyện B trả lại chiếc máy cưa bị mất, ông không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Anh Nông Văn T là người mua chiếc máy cưa với giá 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng. Sau khi biết chiếc máy cưa là tài sản trộm cắp, anh T đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, anh có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bỏ ra mua chiếc máy cưa lốc.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã thu giữ và xử lý: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, mặt sau có dòng chữ “A130 sản phẩm dành riêng cho Viettel” đã qua sử dụng, chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Bể để quản lý theo quy định; chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án tại Kho bạc Nhà nước huyện Ba Bể số tiền 336.000 đồng của bị cáo; đối với chiếc cưa lốc nhãn hiệu HUSQVARNA 365 màu cam cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Không Văn Đ; đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 621.33 mà Nông Văn T dùng làm phương tiện để đi trộm cắp, xác định là tài sản hợp pháp của bà Vi Thị B (Trú tại: thôn N, xã Đ, huyện B), Cơ quan điều tra đã không tạm giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 644/KL - HĐĐGTSTTHS ngày 01/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Bể, kết luận: 01 chiếc cưa lốc nhãn hiệu HUSQVARNA 365 có giá trị tại thời điểm bị mất trộm là 6.375.600 (*Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm*) đồng.

Tại bản cáo trạng số 05/CT - VKSBB ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể đã truy tố bị cáo Nông Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Trước khi mở phiên tòa bị hại ông Không Văn Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền đã bỏ ra mua chiếc máy cưa là 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm h, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nông Văn T với mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo sống phụ thuộc gia đình, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nông Văn T phải bồi thường thiệt hại về tài sản theo yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng năm 2015 để tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, mặt sau có dòng chữ “A130 sản phẩm dành riêng cho Viettel” liên quan đến việc mua bán tài sản trộm cắp. Tạm giữ số tiền 336.000 (Ba trăm ba mươi sáu nghìn) đồng thu giữ của bị cáo được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án tại Kho bạc Nhà nước huyện Ba Bể để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Văn T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của anh Nông Văn T. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Bể, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Ba Bể, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nông Văn T khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 28/11/2017, bị cáo đi vào nhà bếp ông Nông Văn L ở thôn N, xã Đ, huyện B

trộm một chiếc máy cưa (Cưa lóc) nhãn hiệu HUSQVARNA 365 của ông Khổng Văn Đ. Kết quả định giá của Cơ quan chức năng kết luận: Chiếc cưa lóc nhãn hiệu HUSQVARNA 365 có giá trị tại thời điểm bị mất là 6.375.600 (Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm) đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số: 05/CT - VKSBB ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể đã truy tố.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham chơi, muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh mới đủ sức giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 mà bị cáo được hưởng. Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận gia đình bị cáo là hộ gia đình chính sách (Gia đình liệt sỹ), do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Về nhân thân: Năm 2013 bị cáo bị áp dụng biện pháp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh - GD - LĐXH tỉnh Bắc Kạn.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính thì người phạm tội còn có thể phải chịu phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo sống phụ thuộc gia đình, điều kiện kinh tế khó khăn, không có khả năng để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

Bị hại ông Khổng Văn Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn T yêu cầu bị cáo Nông Văn T phải bồi thường thiệt hại số tiền đã bỏ ra để mua chiếc máy cưa là 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của anh T,

nhưng chưa thực hiện việc bồi thường thiệt hại. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh T là có căn cứ. Do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng cho anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) chiếc máy cưa lóc nhãn hiệu HUSQVARNA 365 màu cam Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Bể trả lại cho bị hại ông Khổng Văn Đ là đúng theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, mặt sau có dòng chữ “A130 sản phẩm dành riêng cho Viettel” sử dụng vào việc giao dịch mua bán tài sản trộm cắp cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Số tiền 336.000 (*Ba trăm ba mươi sáu nghìn*) đồng thu giữ của bị cáo được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án tại Kho bạc Nhà nước huyện Ba Bể là tiền có được từ việc bán chiếc cưa lóc cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

[9] Trong vụ án này còn có Lê Quang Đ, theo lời khai của bị cáo Nông Văn T thì Đ là người cùng thực hiện hành vi trộm cắp chiếc máy cưa của ông Khổng Văn Đ. Tuy nhiên, Đ đã đi khỏi địa phương, quá trình điều tra không xác định được Đ đi đâu, làm gì nên chưa thể làm rõ vai trò của Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Bể sẽ tiếp tục điều tra, xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý sau. Đối với anh Nông Văn T là người mua chiếc máy cưa với bị cáo Nông Văn T, nhưng anh T không biết đó là tài sản do trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm h, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nông Văn T 06 (*Sáu*) tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ là 02 ngày (từ ngày 30/11/2017 đến ngày 01/12/2017), thời hạn tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nông Văn T phải bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn T số tiền 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng. Việc

thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, mặt sau có dòng chữ “A130 sản phẩm dành riêng cho Viettel”;

- Tạm giữ số tiền 336.000 (*Ba trăm ba mươi sáu nghìn*) đồng thu giữ của bị cáo được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án tại Kho bạc Nhà nước huyện Ba Bể để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Văn Mạo

Hoàng Thị Thào

Triệu Văn Mẫn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND Ba Bể;
- Công an Ba Bể;
- THADS Ba Bể;
- Người tham gia tt;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Văn Mẫn

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*”

[2] Các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 không gây bất lợi đối với quyền và nghĩa vụ các bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng để giải quyết các vấn đề trong vụ án.

